

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302406 - Qu n ầ v ầ khai th ầ c ầ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010734	35CLC1-CĐ	Nguy n B ầ An	16/02/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
2	3571010725	35CLC1-CĐ	Nguy n B ầ Tu n Anh	03/06/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
3	3571010026	35CLC1-CĐ	Nguy n Tu n Anh	15/03/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	2.5	1.8	1.8	N HP
4	3571010385	35CLC1-CĐ	Tr n C ầ ng B ầ nh	08/06/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
5	3571010709	35CLC1-CĐ	Phan Thanh ầ c	26/09/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	N HP
6	3571010743	35CLC1-CĐ	Nguy n Ho ầ ng H ầ i	21/06/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
7	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy n C ầ ng H ầ u	18/10/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
8	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy n ầ c H ầ u	05/10/1991	6.0	6.0					6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N HP
9	3571010703	35CLC1-CĐ	Mai Xu ầ n H ầ n	29/06/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3571011796	35CLC1-CĐ	L ầ m V ầ n H ầ u	08/08/1993	4.0	5.0					4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	N HP
11	3571011756	35CLC1-CĐ	B ầ i Tr ng H ầ u	24/07/1993	4.0	4.0					4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	N HP
12	3571010692	35CLC1-CĐ	L ầ T ầ n Khoa	13/03/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
13	3571010036	35CLC1-CĐ	Ho ầ ng B ầ o Long	14/08/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
14	3571010674	35CLC1-CĐ	Tr nh Duy M nh	10/03/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
15	3571010599	35CLC1-CĐ	Tr n V ầ n H ầ Mong	25/01/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	N HP
16	3471010223	34CCD3	V ầ Thanh Ngh ầ	03/02/1990	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3571010198	35CLC1-CĐ	ầ o ầ Ho ầ Nhân	17/11/1993	4.0	5.0					4.5	1.4	7.5	5.3	6.6	N HP
18	3571010575	35CLC1-CĐ	Ng ầ Tr ng Nhân	02/08/1993	4.0	5.0					4.5	1.4	3.5	2.5	3.8	
19	3571010373	35CLC1-CĐ	V ầ Tr n Nh t	07/08/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302406 - Qu n ấ v ấ khai th ấ c ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010008	35CLC1-CĐ	Nguy n Ph ấ c	06/09/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	N HP
21	3571010581	35CLC1-CĐ	Tr n Kh c Quang	20/04/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
22	3571010736	35CLC1-CĐ	Tr ng L u Quang	27/08/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	N HP
23	3571010006	35CLC1-CĐ	Nguy n Th B ấ	Rine	09/04/1993	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3571010727	35CLC1-CĐ	H Qu c S	07/01/1992	6.0	6.0					6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	N HP
25	3571010664	35CLC1-CĐ	ấ ng Duy Tâm	25/02/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
26	3571010202	35CLC1-CĐ	Nguy n C nh Tâm	06/10/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
27	3571010183	35CLC1-CĐ	ấ Thanh Tân	08/05/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	9.0	6.3	8.0	
28	3571010696	35CLC1-CĐ	Ng ấ V ấ Minh Tân	08/04/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
29	3571011827	35CLC1-CĐ	Ho ấ Ng c T n	26/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	N HP
30	3571010706	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ Ti n	01/05/1992	5.0	6.0					5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	N HP
31	3571010004	35CLC1-CĐ	Ph m Minh Tu n	29/07/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	N HP
32	3571010720	35CLC1-CĐ	Cao V ấ Thanh	01/05/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	N HP
33	3571010226	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c Thanh	12/02/1991	5.0	5.0					5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
34	3571010345	35CLC1-CĐ	H ấ V ấ Th o	22/02/1993	5.0	4.0					4.5	1.4	7.0	4.9	6.3	N HP
35	3571010698	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ Th ng	20/11/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
36	3571011690	35CLC1-CĐ	Tr n Ti n Th nh	26/06/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	N HP
37	3571010729	35CLC1-CĐ	Tr ng Qu c Th nh	27/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	N HP
38	3571010084	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ Thông	04/11/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 132017302406 - Qu n lĩ v©khai thĩ c ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010354	34CCD7	L ² Qu c	Trung	26/08/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
40	3571010732	35CLC1-CĐ	Bùi Duy	Tr ng	19/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	5.0	3.5	3.5	N HP
41	3571010204	35CLC1-CĐ	Ph m V ấ	V ấ	14/05/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	1.0	0.7	3.0	N HP
42	3571010723	35CLC1-CĐ	Y ² n V ấ	V ấ	18/07/1992	8.0	7.0					7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
43	3571010731	35CLC1-CĐ	H Anh	V Ồ	06/08/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	

T ng s : 43 h c sinh sinh vĩ²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi"o Vĩ²n B M»n Gi"o V Khoa